

CÔNG TY TNHH DETECT MEDIA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DETECT MEDIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DETECT MEDIA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DETECT MEDIA CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108059584

3. Ngày thành lập: 15/11/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 2, Tòa Detech, Số 8 Tôn Thất Thuyết , Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0937604133

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	In ấn (đối với ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện)	1811
2.	Dịch vụ liên quan đến in (đối với ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện)	1812
3.	Sao chép bản ghi các loại (đối với ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện)	1820
4.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất than gáo dừa và than mùn cưa (không hoạt động tại trụ sở)	3290
5.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

6.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh; Bán lẻ đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác; Bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh như chổi, bàn chải, giẻ lau...;	4773
7.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Dạy đọc nhanh; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính; Kỹ năng theo ngành nghề	8559
8.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
9.	Quảng cáo	7310(Chính)
10.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
11.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
12.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
13.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
14.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820
15.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
16.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
17.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
18.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
19.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (trừ những loại Nhà nước cấm)	0222
20.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
21.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
22.	Lập trình máy vi tính	6201
23.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
24.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
25.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

26.	Cổng thông tin (không bao gồm hoạt động báo chí (theo Điều 16 Luật báo chí))	6312
27.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (trừ thông tin Nhà nước cấm)	6329
28.	Hoạt động của các hội nghề nghiệp	9412
29.	Cho thuê xe có động cơ	7710
30.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
31.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
32.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
33.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
34.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
35.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8560
36.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
37.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ loại cấm)	8299
38.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
39.	Khai thác gỗ (trừ những loại Nhà nước cấm)	0221
40.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
41.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
42.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
43.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
44.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
45.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
46.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
47.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
48.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ ngành nghề về đấu giá)	4513
49.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
50.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ ngành nghề về đấu giá)	4530
51.	Bán mô tô, xe máy	4541
52.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
53.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ ngành nghề về đấu giá)	4543

54.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới (Trừ môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản, xuất khẩu lao động và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
55.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ những loại cấm)	4620
56.	Bán buôn gạo	4631
57.	Bán buôn thực phẩm	4632
58.	Bán buôn đồ uống	4633
59.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
60.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
61.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
62.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
63.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
64.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
65.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
66.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
67.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ những loại cấm)	4662
68.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
69.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh...; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn sợi dệt...; Bán buôn bột giấy;	4669
70.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào.	4690
71.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
72.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719

73.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
74.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
75.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
76.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
77.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
78.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
79.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
80.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
81.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
82.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
83.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
84.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
85.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
86.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
87.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
88.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện)	4772
89.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
90.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
91.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
92.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí	4789
93.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ ngành nghề về đấu giá)	4791

94.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động ..; Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng; Đấu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ); Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).	4799
95.	Vận tải bằng xe buýt	4920
96.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
97.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
98.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
99.	Vận tải đường ống	4940
100.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
101.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
102.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
103.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
104.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
105.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
106.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
107.	Bốc xếp hàng hóa	5224
108.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng; Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường bộ, đường biển hoặc đường hàng không; Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá	5229
109.	Giáo dục nghề nghiệp (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)	8532

6. Vốn điều lệ: 3.900.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	BÙI THỊ MAI PHƯƠNG	Tổ 9, Phường Trung Hưng, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.950.000.000	50,000	001189001355	
2	TRƯỜNG QUỲNH MAI	Nhà số 8T1, Tổ dân phố 18, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.950.000.000	50,000	025189000337	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRƯỜNG QUỲNH MAI

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc*

Sinh ngày: 16/10/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 025189000337

Ngày cấp: 16/03/2016

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Nhà số 8T1, Tổ dân phố 18, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Nhà số 8T1, Tổ dân phố 18, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội